

Bản án số: 89/2018/HS-ST

Ngày: 14-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyết

2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền -
Cán bộ Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Tuấn A, sinh ngày 14/7/1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Đường H, phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quốc T sinh năm 1970 và bà Sa Thị Thùy D (chết); chưa có vợ con; tiền án: Không; nhân thân: Bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh theo quyết định 10172/QĐ-UBND ngày 03/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; bị bắt, tạm giữ ngày 30/9/2017; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Trần Thị N, sinh năm 1986; cư trú tại: Đường T, phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lữ Anh T, sinh năm 1978; cư trú tại: Đường Đ, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 30/9/2017, Trần Tuấn A điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha Mio, biển số 71Z1-1439 lưu thông trên đường Chu Văn An, quận Bình Thạnh thì nhìn thấy một người phụ nữ đang điều khiển xe máy lưu thông phía trước, trên cổ có đeo 01 sợi dây chuyền nên nảy sinh ý định cướp giật và điều khiển xe chạy theo sau. Khi đến số nhà 524 đường Phan Văn Trị, Phường 7, quận Gò Vấp, bị cáo điều khiển xe máy chạy lên từ phía sau ép sát vào bên phải của người phụ nữ dùng tay trái giật đứt sợi dây chuyền nhưng do không làm chủ tốc độ và vướng vào xe máy của người phụ nữ nên bị cáo bị ngã xuống đường. Lúc này người phụ nữ tri hô, bị cáo bỏ lại chiếc xe máy, chạy bộ tẩu thoát thì bị tổ hình sự đặc nhiệm Đội Cảnh sát hình sự Công an quận Gò Vấp bắt giữ.

Bản cáo trạng số 87/CTr-VKS ngày 03/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố Trần Tuấn A về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Bà Trần Thị N trình bày: Bà đã nhận lại sợi dây chuyền có mặt hình trái tim bằng kim loại màu vàng có trọng lượng 01 chỉ 41 phân. Riêng chiếc nhẫn bằng vàng 18K trọng lượng 0,5 chỉ được lồng vào sợi dây chuyền bị mất, không thu hồi lại được nên yêu cầu bị cáo bồi thường 2.000.000 đồng.

Ông Lữ Anh T trình bày: Bà Phạm Thị Bích T chỉ đứng tên đăng ký chủ sở hữu chiếc xe hiệu Yamaha Mio, biển số 71Z1-1439 giùm ông. Ngày 30/9/2017, ông T giao xe cho Trần Tuấn A đi giao hàng; việc bị cáo sử dụng xe để làm phương tiện thực hiện hành vi cướp tài sản thì ông không biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, trình bày lời luận tội, đánh giá tính chất, mức độ và hậu quả nguy hiểm cho xã hội cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị:

- Tuyên bố Trần Tuấn A phạm tội cướp giật tài sản; áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 136, điểm p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội cướp giật tài sản.

- Buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại số tiền 2.000.000 đồng.

- Trả lại cho Trần Tuấn A chiếc điện thoại di động hiệu Nokia và căn cước công dân tên Trần Tuấn A.

- Bị cáo không tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị

cáo hưởng mức án khoan hồng vì đã nhận thức được hành vi sai phạm của mình và quyết tâm sửa chữa, không vi phạm pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an quận Gò Vấp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Kiểm sát viên thực hiện hành vi, quyết định tố tụng, thu thập chứng cứ, tài liệu theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng, việc thu thập chứng cứ, tài liệu của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp biên bản bắt quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 30/9/2017, khi đang điều khiển xe máy lưu thông trên đường Chu Văn An thì bị cáo nhìn thấy một người phụ nữ đang điều khiển xe máy lưu thông phía trước, trên cổ có đeo 01 sợi dây chuyền bằng vàng nên nảy sinh ý định cướp giật và điều khiển xe chạy theo sau. Khi đến số nhà 524 đường Phan Văn Trị thuộc Phường 7, quận Gò Vấp, bị cáo điều khiển xe máy chạy lên từ phía sau dùng tay trái giật đứt sợi dây chuyền nhưng sau đó bị té ngã xuống đường và bị bắt giữ. Do đó đã có đủ căn cứ để tuyên bố bị cáo phạm tội cướp giật tài sản.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên đường phố, thể hiện sự táo bạo, liều lĩnh nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác là sợi dây chuyền vàng 18K có mặt hình trái tim trọng lượng 1,41 chỉ mà theo kết luận định giá tài sản số 98/KL ngày 19/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Gò Vấp có trị giá là 2.730.000 đồng. Riêng chiếc nhẫn vàng 18K trọng lượng 0,5 chỉ không thu hồi được và không có hóa đơn chứng từ nên Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng không có cơ sở kết luận chính xác.

Trong vụ án này, bị cáo sử dụng xe máy để trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản nên đây được xem là dùng thủ đoạn nguy hiểm và là tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Hành vi của bị cáo đã vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội, thực hiện một cách cố ý để chiếm đoạt bất hợp pháp tài sản của người khác

nên cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 để giảm nhẹ hình phạt. Việc áp dụng tình tiết nêu trên cũng phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử không áp dụng Khoản 5 Điều 136 của Bộ luật Hình sự để phạt tiền đối với các bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Người bị hại đã nhận lại sợi dây chuyền vàng 18K, còn chiếc nhẫn bằng vàng 18K trọng lượng 0,5 chỉ được lồng vào sợi dây chuyền bị mất, không thu hồi được nên yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.000.000 đồng; tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường nhưng đang bị tạm giam nên chưa thể bồi thường ngay cho người bị hại. Xét thấy, yêu cầu của người bị hại là có căn cứ nên áp dụng Khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 buộc bị cáo bồi thường số tiền nêu trên cho bà Trần Thị N. Bị cáo còn phải chịu lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự kể từ khi người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án.

Chiếc xe máy hiệu Yamaha Mio, biển số 71Z1-1439, qua xác minh do bà Phạm Thị Bích T đứng tên chủ sở hữu giùm ông Lữ Anh T. Ngày 30/9/2017, ông T giao chiếc xe cho bị cáo đi giao hàng; việc bị cáo sử dụng chiếc xe để làm phương tiện thực hiện hành vi cướp giật tài sản ông T không biết, Cơ quan điều tra cũng đã trả lại chiếc xe nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia và căn cước công dân tên Trần Tuấn A là tài sản và giấy tờ tùy thân của bị cáo, không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo

[4] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và các điều 23, 26 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố Trần Tuấn A phạm tội Cướp giật tài sản.

Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 136, điểm p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt Trần Tuấn A 03 (Ba) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30 tháng 9 năm 2017.

2. Áp dụng Khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, buộc bị cáo bồi thường cho bà Trần Thị N số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Kể từ khi bà N có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo chưa bồi thường số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải trả lãi đối với số tiền chậm bồi thường tương ứng với thời gian chậm bồi thường, lãi suất phát sinh do chậm bồi thường số tiền nêu trên theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Trả lại cho Trần Tuấn A chiếc điện thoại di động hiệu Nokia và căn cước công dân tên Trần Tuấn A (*Theo lệnh nhập kho vật chứng số 64/LNKVC ngày 03/5/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp*).

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, các điều 23, 26 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- Viện kiểm sát Q. Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- Công an Q. Gò Vấp;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Đăng Tân